

Số: 137/BC-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Phần thứ nhất

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Tên cơ sở đăng ký bổ sung:

Tên tiếng Việt: Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh

Tên giao dịch tiếng Anh: Ly Tu Trong College of Ho Chi Minh City

2. Địa chỉ trụ sở chính:

390 Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38110521;

Website: www.LTTC.edu.vn

Email: tuyensinh@LTTC.edu.vn

Địa điểm liên kết đào tạo tại tỉnh Trà Vinh:

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ: Ấp Cây Da, Xã Ngũ Lạc, Huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

3. Quyết định thành lập trường: 621/QĐ-BGD&ĐT, ngày 03/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Quyết định đổi tên trường: 1130/QĐ-LĐTBXH, ngày 17/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

4. Giấy chứng nhận hoạt động giáo dục nghề nghiệp: 19/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 15/3/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

5. Họ và tên Hiệu trưởng: Phạm Hữu Lộc

Quyết định bổ nhiệm: 2187/QĐ-GDDT-TC, ngày 20/8/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Phần thứ hai

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

I. Ngành ĐIỆN CÔNG NGHIỆP; trình độ trung cấp; quy mô tuyển sinh: 135 học sinh/năm.

1. Lý do đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Liên kết phối hợp thực hiện chương trình đào tạo.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy:

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 6 phòng (tổng diện tích: 480 m²);
- Số phòng học lý thuyết chuyên môn tại cơ sở chính: 119 phòng (tổng diện tích: 9110.98 m²);
- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập: 01 phòng, xưởng (tổng diện tích: 80 m²).
- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập tại cơ sở chính: 50 phòng, xưởng (tổng diện tích: 4172 m²).

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy thực hành:

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
I	THỰC HÀNH ĐIỆN CƠ BẢN				
1	Máy vi tính	Bộ	1	1	
2	Máy chiếu	Bộ	1	1	
3	Máy in	Bộ	1	1	
4	Mô hình hệ thống an toàn điện	Bộ	1	1	
5	Bộ thực hành điện 1 chiều	Bộ	2	10	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Nguồn điện 1 chiều	Bộ	1	1	
	Ampe kế DC	Chiếc	1	1	
	Vôn kế DC	Chiếc	1	1	
	Mô đun tải	Bộ	1	1	
6	Bộ thực hành điện xoay chiều	Bộ	2	10	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Nguồn điện xoay chiều	Bộ	1	1	
	Ampe kế AC	Chiếc	1	1	
	Vôn kế AC	Chiếc	1	1	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Mô đun tải	Bộ	1	1	
7	Động cơ điện 1 pha	Chiếc	3	20	
8	Động cơ điện 3 pha	Chiếc	3	20	
9	Mẫu vật liệu điện	Bộ	2	2	
10	Động cơ điện 1 pha	Chiếc	3	10	
11	Động cơ điện 3 pha	Chiếc	3	10	
12	Khí cụ điện	Bộ	6	12	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Công tắc xoay	Chiếc	1	1	
	Công tắc hành trình	Chiếc	1	1	
	Cầu dao 2 cực	Chiếc	1	1	
	Cầu dao 1 pha 2 ngã	Chiếc	1	1	
	Cầu dao 3 pha	Chiếc	1	1	
	Nút nhấn	Chiếc	1	1	
	Khóa điện	Chiếc	1	1	
	Nút dừng khẩn cấp	Chiếc	1	1	
	Công tắc tơ	Chiếc	2	2	
	Rơ le nhiệt	Chiếc	1	1	
	Rơ le điện áp	Chiếc	1	1	
	Rơ le dòng	Chiếc	1	1	
	Rơ le trung gian	Chiếc	2	2	
	Rơ le thời gian	Chiếc	2	2	
	Áp tô mát 1 pha	Chiếc	1	1	
	Áp tô mát 3pha	Chiếc	1	1	
	Áp tô mát chống giật 1 pha	Chiếc	1	1	
	Áp tô mát chống giật 3 pha	Chiếc	1	1	
13	Bộ thiết bị đo lường điện	Bộ	6	6	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Đồng hồ đo vôn năng	Chiếc	1	1	
	Máy biến điện áp	Chiếc	1	1	
	Máy biến dòng	Chiếc	1	1	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Ampe kìm	Chiếc	1	1	
	Vôn kế DC	Chiếc	1	1	
	Vôn kế AC	Chiếc	1	1	
	Mê gôm mét	Chiếc	1	1	
	Cầu đo điện trở	Chiếc	1	1	
	Cosφ mét	Chiếc	1	1	
	Tần số kế	Chiếc	1	1	
	Oát mét	Chiếc	1	1	
	Teromet	Chiếc	1	1	
	Công tơ 1 pha	Chiếc	1	1	
	Công tơ 3 pha	Chiếc	1	1	
14	Mô hình thực hành điện tử cơ bản	Bộ	6	25	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Khởi chỉnh lưu	Bộ	1	1	
	Khởi ổn áp	Bộ	1	1	
	Khởi bảo vệ	Bộ	1	1	
	Khởi khuếch đại công suất	Bộ	1	1	
	Bộ nguồn một chiều	Bộ	1	1	
15	Bộ thực hành cảm biến			6	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Cảm biến thu phát quang	Bộ	1	1	
	Cảm biến quang trở	Bộ	1	1	
	Cảm biến từ	Bộ	1	1	
	Cảm biến điện dung	Bộ	1	1	
	Cảm biến khối	Bộ	1	1	
	Cảm biến áp suất	Bộ	1	1	
	Cảm biến hồng ngoại	Bộ	1	1	
	Cảm biến độ ẩm	Bộ	1	1	
	Đèn báo trạng thái	Bộ	1	1	
	Động cơ	Chiếc	1	1	
16	Mô hình máy biến áp 1 pha	Chiếc	1	10	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
17	Mô hình máy biến áp 3 pha	Chiếc	1	10	
18	Mô hình động cơ 1 pha	Bộ	1	10	
19	Mô hình động cơ 3 pha	Bộ	1	10	
20	Mô hình máy phát điện	Bộ	1	3	
21	Máy hiện sóng	Chiếc	1	5	
22	Máy phát xung chuẩn	Chiếc	1	5	
23	Đồng hồ chỉ thị pha	Chiếc	3	5	
24	Tủ đựng dụng cụ, tài liệu	Chiếc	2	10	
25	Bộ dụng cụ nghề điện cầm tay	Bộ	9	9	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Kìm cắt dây	Chiếc	1	1	
	Kìm tuốt dây	Chiếc	1	1	
	Kìm mỏ nhọn	Chiếc	1	1	
	Kìm bẻ	Chiếc	1	1	
	Kìm ép cốt	Chiếc	1	1	
	Kìm mỏ vịt	Chiếc	1	1	
	Tô vít các loại	Bộ	1	1	
	Bút thử điện	Chiếc	1	1	
	Thước cuộn	Chiếc	1	1	
	Thước thẳng bẻ	Chiếc	1	1	
26	Máy khoan cầm tay	Chiếc	1	5	
27	Máy cắt cầm tay	Chiếc	1	2	
28	Mỏ hàn	Chiếc	1	30	
29	Dụng cụ cơ khí cầm tay	Bộ	3	6	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Búa nguội	Chiếc	1	1	
	Búa cao su	Chiếc	1	1	
	Cưa sắt	Chiếc	1	1	
	Bộ tuyp	Bộ	1	1	
	Bộ cờ lê	Bộ	1	1	
	Bộ lục lăng	Bộ	1	1	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Đục bằng	Chiếc	1	1	
	Đục nhọn	Chiếc	1	1	
	Bộ dũa	Bộ	1	1	
	Bàn ren, ta rô các loại	Bộ	1	1	
30	Bộ dụng cụ đo cơ khí	Bộ	18	18	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Thước lá	Chiếc	1	1	
	Thước cặp	Chiếc	1	1	
	Panme	Chiếc	1	1	
	Ke góc	Chiếc	1	1	
	Thước đo ren	Chiếc	1	1	
II	THỰC HÀNH TRANG BỊ ĐIỆN				
1	Máy vi tính	Bộ	1	1	
2	Máy chiếu	Bộ	1	1	
3	Máy in	Bộ	1	1	
4	Bàn thực hành trang bị điện	Bàn	9	37	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Mô đun Áp tô mát 1 pha	Chiếc	1	1	
	Mô đun Áp tô mát 3 pha	Chiếc	1	1	
	Mô đun Khởi động từ	Bộ	6	6	
	Mô đun cầu chì ống	Bộ	3	3	
	Mô đun công tắc chuyển mạch vôn	Bộ	1	1	
	Mô đun công tắc hành trình	Bộ	2	2	
	Mô đun cuộn kháng 3 pha	Bộ	1	1	
	Mô đun biến áp tự ngẫu	Bộ	1	1	
	Mô đun biến trở	Bộ	1	1	
	Mô đun biến dòng TI	Bộ	1	1	
	Mô đun biến điện áp TU	Bộ	1	1	
	Mô đun cảm biến quang	Bộ	1	1	
	Mô đun cảm biến tiệm cận	Bộ	1	1	
	Mô đun đồng hồ Ampe mét	Bộ	3	3	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Mô đun đồng hồ Von mét	Bộ	3	3	
	Mô đun đèn báo	Bộ	3	3	
	Mô đun nút nhấn	Bộ	3	3	
	Mô đun nút dừng khẩn cấp	Bộ	1	1	
	Mô đun bộ nguồn DC	Bộ	1	1	
	Mô đun rơ le bảo vệ thứ tự pha	Bộ	1	1	
	Mô đun rơ le thời gian	Bộ	3	3	
	Mô đun rơ le trung gian	Bộ	3	3	
	Mô đun rơ le bảo vệ dòng điện	Bộ	1	1	
	Mô đun rơ le bảo vệ điện áp	Bộ	1	1	
5	Động cơ điện 1 pha	Chiếc	6	15	
6	Động cơ điện 3 pha roto lồng sóc	Chiếc	6	50	
7	Động cơ điện 3 pha roto dây quấn	Chiếc	3	3	
8	Mô hình tủ điều khiển máy công cụ	Bộ	1	4	
9	Mô hình cầu trục	Bộ	2	1	Thuê
10	Mô hình thang máy	Bộ	2	2	
11	Mô hình trạm bơm	Bộ	2	2	
12	Mô hình trang bị điện máy công cụ	Bộ	1	4	
13	Tủ dụng dụng cụ, tài liệu	Chiếc	2	10	
14	Bộ dụng cụ nghề điện cầm tay	Bộ	9	9	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Kìm cắt dây	Chiếc	1	1	
	Kìm tuốt dây	Chiếc	1	1	
	Kìm mỏ nhọn	Chiếc	1	1	
	Kìm bẻ	Chiếc	1	1	
	Kìm ép cốt	Chiếc	1	1	
	Kìm mỏ vịt	Chiếc	1	1	
	Tô vít các loại	Bộ	1	1	
	Bút thử điện	Chiếc	1	1	
	Thước cuộn	Chiếc	1	1	
	Thước thẳng bằng	Chiếc	1	1	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
15	Máy khoan cầm tay	Chiếc	1	1	
16	Máy cắt cầm tay	Chiếc	1	1	
17	Mỏ hàn	Chiếc	1	1	
18	Bộ dụng cụ đo lường điện	Bộ	9	9	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Đồng hồ đo vạn năng	Chiếc	1	1	
	Ampe kìm	Chiếc	1	1	
	Mê gôm mét	Chiếc	1	1	
	Đồng hồ chỉ thị pha	Chiếc	1	1	
	Teromet	Chiếc	1	1	
19	Dụng cụ cơ khí cầm tay	Bộ	3	3	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Búa nguội	Chiếc	1	1	
	Búa cao su	Chiếc	1	1	
	Bộ dũa	Bộ	1	1	
	Cưa sắt	Chiếc	1	1	
	Bộ tuyp	Bộ	1	1	
	Bộ cờ lê	Bộ	1	1	
	Bộ lục lăng	Bộ	1	1	
20	Bộ dụng cụ đo lường cơ khí	Bộ	3	3	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Thước cặp	Chiếc	1	1	
	Panme	Chiếc	1	1	
	Thước lá	Chiếc	1	1	
III	THỰC HÀNH MÁY ĐIỆN				
1	Máy vi tính	Bộ	1	1	
2	Máy chiếu	Bộ	1	1	
3	Động cơ 1 chiều	Chiếc	3	3	
4	Máy biến áp tự ngẫu	Chiếc	3	3	
5	Máy phát điện xoay chiều 1 pha	Chiếc	1	3	
6	Máy phát điện xoay chiều 3 pha	Chiếc	1	3	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
7	Động cơ điện 1 pha	Chiếc	9	30	
8	Động cơ không đồng bộ 3 pha	Chiếc	9	30	
9	Động cơ không đồng bộ 3 pha rô to dây quấn	Chiếc	3	3	
10	Động cơ đồng bộ 3 pha	Chiếc	3	3	
11	Bàn thực hành	Chiếc	6	12	
12	Đồng hồ đo tốc độ vòng quay	Chiếc	6	6	
13	Tủ sấy	Chiếc	1	1	Thuê
14	Máy quấn dây	Chiếc	3	20	
15	Thiết bị kiểm tra chịu tải máy biến áp	Bộ	3	3	
16	Máy đo tỷ số máy biến áp	Bộ	3	1	Thuê
17	Lõi thép máy biến áp	Bộ	18	18	
18	Phôi động cơ điện 1 pha	Chiếc	9	20	
19	Phôi động cơ không đồng bộ 3 pha	Chiếc	9	30	
20	Phôi động cơ vạn năng	Chiếc	9	9	
21	Phôi máy phát điện xoay chiều và 1 chiều	Chiếc	9	9	
22	Tủ đựng dụng cụ, tài liệu	Chiếc	2	6	
23	Bộ dụng cụ nghề điện cầm tay	Bộ	9	9	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Kìm cắt dây	Chiếc	1	1	
	Kìm tuốt dây	Chiếc	1	1	
	Kìm mỏ nhọn	Chiếc	1	1	
	Kìm bẻ	Chiếc	1	1	
	Kìm ép cốt	Chiếc	1	1	
	Kìm mỏ vịt	Chiếc	1	1	
	Tô vít các loại	Bộ	1	1	
	Bút thử điện	Chiếc	1	1	
	Thước cuộn	Chiếc	1	1	
	Thước thẳng bằng	Chiếc	1	1	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
24	Máy khoan cầm tay	Chiếc	1	1	
25	Máy cắt cầm tay	Chiếc	1	1	
26	Mỏ hàn	Chiếc	1	1	
27	Bộ dụng cụ đo lường điện	Bộ	9	9	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Đồng hồ đo vạn năng	Chiếc	1	1	
	Ampe kìm	Chiếc	1	1	
	Mê gôm mét	Chiếc	1	1	
	Đồng hồ chỉ thị pha	Chiếc	1	1	
	Rô nha	Chiếc	1	1	
	Tần số kế	Chiếc	1	1	
	Teromet	Chiếc	1	1	
28	Dụng cụ cơ khí cầm tay	Bộ	3	3	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Búa nguội	Chiếc	1	1	
	Búa cao su	Chiếc	1	1	
	Bộ dũa	Bộ	1	1	
	Cưa sắt	Chiếc	1	1	
	Bộ tuýp	Bộ	1	1	
	Bộ cờ lê	Bộ	1	1	
	Bộ lục lăng	Bộ	1	1	
	Vam tháo vòng bi 2 châu	Chiếc	1	1	
	Vam tháo vòng bi 3 châu	Chiếc	1	1	
	Ê tô	Chiếc	1	1	
29	Bộ dụng cụ đo lường cơ khí	Bộ	3	3	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Thước lá	Chiếc	1	1	
	Thước cặp	Chiếc	1	1	
	Panme	Chiếc	1	1	
30	Dao lồng dây	Chiếc	18	18	
IV	THỰC HÀNH TỰ ĐỘNG HÓA				

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
1	Máy vi tính	Bộ	19	19	
2	Máy chiếu	Bộ	1	1	
3	Bộ thực hành PLC	Bộ	6	35	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Mô đun PLC	Bộ	1	1	
	Mô đun lập trình cỡ nhỏ	Bộ	1	1	
	Mô đun mở rộng đầu vào/ ra số	Bộ	1	1	
4	Mô đun mở rộng đầu vào/ ra tương tự	Bộ	1	1	
	Bộ nguồn	Bộ	1	1	
	Bộ cáp kết nối	Bộ	1	1	
	Bàn thực hành cảm biến	Bộ	6	6	
	Mỗi bộ bao gồm				
6	Bộ nguồn thí nghiệm	Bộ	1	1	
	Cảm biến nhiệt trở	Bộ	1	1	
	Cặp nhiệt	Bộ	1	1	
	Cảm biến thu phát quang	Bộ	1	1	
	Cảm biến quang trở	Bộ	1	1	
	Cảm biến từ	Bộ	1	1	
	Cảm biến điện dung	Bộ	1	1	
	Cảm biến khói	Bộ	1	1	
	Cảm biến áp suất	Bộ	1	1	
	Cảm biến hồng ngoại	Bộ	1	1	
	Cảm biến siêu âm	Bộ	1	1	
	Cảm biến độ ẩm	Bộ	1	1	
7	Mô hình băng tải	Bộ	1	1	
8	Mô hình thang máy	Bộ	1	1	
9	Mô hình lò nhiệt	Bộ	1	1	Thuê
10	Mô hình trộn hóa chất	Bộ	1	1	
11	Mô hình đèn giao thông	Bộ	1	1	
12	Mô hình phân loại sản phẩm	Bộ	1	1	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
13	Kít thực hành vi điều khiển	Bộ	6	6	
14	Mô hình cánh tay robot	Bộ	3	3	
15	Đầu dò logic	Chiếc	6	6	
16	Máy hiện sóng	Chiếc	3	3	
17	Mô hình truyền thông	Bộ	6	6	
18	Mô hình khởi động mềm động cơ	Bộ	6	1	Thuê
	Mỗi bộ bao gồm				
	Bộ nguồn chuẩn AC	Bộ	1	1	
	Mô đun khởi động mềm	Bộ	1	1	
	Mô đun aptomat	Bộ	1	1	
	Mô đun nút bấm	Bộ	1	1	
	Mô đun đồng hồ đo tốc độ và dòng điện động cơ	Bộ	1	1	
	Mô đun đồng hồ đo điện áp	Bộ	1	1	
	Mô đun khởi động từ	Bộ	1	1	
	Mô đun động cơ	Bộ	1	1	
19	Mô hình điều khiển động cơ servo	Bộ	3	1	Thuê
	Mỗi bộ bao gồm				
	Bộ nguồn chuyên dụng	Bộ	1	1	
	Mô đun bộ điều khiển động cơ servo	Bộ	1	1	
	Mô đun động cơ servo	Bộ	1	1	
	Cáp kết nối máy tính	Chiếc	1	1	
	Mô đun aptomat	Bộ	1	1	
	Mô đun nút bấm	Bộ	1	1	
	Mô đun contactor	Bộ	1	1	
	Mô đun role trung gian	Bộ	1	1	
20	Mô hình thực hành biến tần	Bộ	3	3	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Biến tần 3 pha	Bộ	1	1	
	Aptomat 3 pha	Chiếc	1	1	
	Đèn báo	Chiếc	3	3	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Bộ nút nhấn	Bộ	1	1	
	Chuyển mạch 3 vị trí	Chiếc	1	1	
	Triết áp điều chỉnh	Chiếc	1	1	
	Động cơ KĐB 3 pha	Bộ	1	1	
21	Máy mài hai đá	Chiếc	2	2	
22	Tủ đựng dụng cụ, tài liệu	Chiếc	2	2	
23	Tủ sắt	Chiếc	2	2	
24	Bộ dụng cụ nghề điện cầm tay	Bộ	9	9	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Kìm cắt dây	Chiếc	1	1	
	Kìm tuốt dây	Chiếc	1	1	
	Kìm mỏ nhọn	Chiếc	1	1	
	Kìm bằng	Chiếc	1	1	
	Kìm ép cốt	Chiếc	1	1	
	Kìm mỏ vịt	Chiếc	1	1	
	Tô vít các loại	Bộ	1	1	
	Bút thử điện	Chiếc	1	1	
	Thước cuộn	Chiếc	1	1	
	Thước thẳng bằng	Chiếc	1	1	
25	Kìm bấm dây mạng RJ45 - RJ11	Chiếc	3	3	
26	Máy khoan cầm tay	Chiếc	1	1	
27	Máy cắt cầm tay	Chiếc	1	1	
28	Mỏ hàn	Chiếc	1	1	
29	Bộ dụng cụ đo lường điện	Bộ	9	9	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Đồng hồ đo vạn năng	Chiếc	1	1	
	Ampe kìm	Chiếc	1	1	
	Mê gôm mét	Chiếc	1	1	
	Đồng hồ chỉ thị pha	Chiếc	1	1	
	Teromet	Chiếc	1	1	
30	Dụng cụ cơ khí cầm tay	Bộ	3	3	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Búa nguội	Chiếc	1	1	
	Búa cao su	Chiếc	1	1	
	Bộ dũa	Bộ	1	1	
	Dao cắt ống khí nén	Chiếc	1	1	
	Cưa sắt	Chiếc	1	1	
	Bộ tuýp	Bộ	1	1	
	Bộ cờ lê	Bộ	1	1	
	Bộ lục lăng	Bộ	1	1	
31	Bộ dụng cụ đo cơ khí	Bộ	3	3	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Thước lá	Chiếc	1	1	
	Thước cặp	Chiếc	1	1	
	Panme	Chiếc	1	1	
32	Phần mềm PLC, vi điều khiển, biến tần...	Bộ	1	1	
33	Phần mềm thiết kế, mô phỏng hệ thống khí nén, điện khí nén	Bộ	1	1	
V	THỰC HÀNH LẮP ĐẶT ĐIỆN				
1	Máy vi tính	Bộ	1	1	
2	Máy chiếu	Bộ	1	1	
3	Máy mài hai đá	Chiếc	2	2	
4	Mô hình hệ thống cung cấp điện hạ thế	Bộ	1	1	
5	Mô hình các thiết bị bảo vệ đóng cắt hạ thế	Bộ	3	6	
6	Mô hình trạm biến áp hạ thế (trạm treo)	Bộ	1	1	Thuê
7	Mô hình chống sét	Bộ	1	1	Thuê
8	Cabin lắp đặt điện	Bộ	6	6	
9	Bộ mẫu các mối nối dây cáp	Bộ	1	1	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
10	Tủ điện ATS	Bộ	3	4	
11	Tủ điện phân phối	Chiếc	3	8	
12	Máy uốn thanh cái thủy lực	Bộ	1	1	Thuê
13	Máy đo độ võng dây cáp (thực tập tại cơ sở sản xuất)	Chiếc	1	1	Thuê
14	Bộ thực hành nhà thông minh	Bộ	3	1	Thuê
	Mỗi bộ bao gồm				
	Module đào tạo lắp đặt bộ chuyển đổi IR	Bộ	1	1	
	Module đào tạo lắp đặt công tắc	Bộ	3	3	
	Module đào tạo lắp đặt công tắc (dimmer)	Bộ	1	1	
	Module đào tạo lắp đặt cảm biến nhiệt độ	Bộ	1	1	
	Module đào tạo lắp đặt bộ điều khiển trung tâm	Bộ	1	1	
	Module đào tạo lắp đặt van khóa gas tự động	Bộ	1	1	
	Module đào tạo lắp đặt cảm biến khói	Bộ	2	2	
	Module đào tạo lắp đặt cảm biến khí gas	Bộ	1	1	
	Module đào tạo lắp đặt bộ chuyển đổi IR	Bộ	1	1	
	Module đào tạo lắp đặt công tắc điều khiển rèm cửa	Bộ	1	1	
	Module đào tạo lắp đặt rèm cửa	Bộ	1	1	
	Module đào tạo lắp đặt khóa cửa thông minh	Bộ	1	1	
	Module đào tạo lắp đặt cảm biến mở cửa	Bộ	1	1	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Module đào tạo lắp đặt cảm biến chuyển động	Bộ	2	2	
	Module đào tạo lắp đặt chuông cửa	Bộ	1	1	
	Module đào tạo lắp đặt nút nhấn chuông	Bộ	1	1	
	Module đào tạo lắp đặt bộ khuếch đại tín hiệu	Bộ	1	1	
	Module đào tạo lắp đặt công tắc ngắt cảnh	Bộ	1	1	
	Module đào tạo bóng đèn sợi đốt	Bộ	3	3	
	Module camera	Bộ	6	6	
	Máy vi tính	Bộ	1	1	
15	Mô hình điện mặt trời	Bộ	3	5	
16	Mô hình điện gió	Bộ	3	1	Thuê
17	Tủ đựng dụng cụ, tài liệu	Chiếc	2	2	
18	Bộ dụng cụ nghề điện cầm tay	Bộ	9	9	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Kìm cắt dây	Chiếc	1	1	
	Kìm tuốt dây	Chiếc	1	1	
	Kìm mỏ nhọn	Chiếc	1	1	
	Kìm bẻ	Chiếc	1	1	
	Kìm ép cốt	Chiếc	1	1	
	Kìm ép cốt thủy lực	Chiếc	1	1	
	Kìm mỏ vịt	Chiếc	1	1	
	Tô vít các loại	Bộ	1	1	
	Bút thử điện	Chiếc	1	1	
	Thước cuộn	Chiếc	1	1	
	Thước thẳng bằng	Chiếc	1	1	
19	Máy dò dây điện âm tường	Chiếc	3	1	Thuê
20	Máy khoan cầm tay	Chiếc	3	3	
21	Máy cắt cầm tay	Chiếc	3	3	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
22	Mỏ hàn	Chiếc	3	3	
23	Khoan bê tông	Chiếc	3	3	
24	Máy bắt vít	Bộ	3	3	
25	Bộ dụng cụ đo lường điện	Bộ	9	9	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Đồng hồ đo vạn năng	Chiếc	1	1	
	Ampe kìm	Chiếc	1	1	
	Mê gôm mét	Chiếc	1	1	
	Đồng hồ chỉ thị pha	Chiếc	1	1	
	Teromet	Chiếc	1	1	
26	Dụng cụ cơ khí cầm tay	Bộ	3	3	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Búa nguội	Chiếc	1	1	
	Búa cao su	Chiếc	1	1	
	Bộ dũa	Bộ	1	1	
	Cưa sắt	Chiếc	1	1	
	Bộ tuýp	Bộ	1	1	
	Bộ cờ lê	Bộ	1	1	
	Bộ lục lăng	Bộ	1	1	
	Vam 3 châu	Chiếc	1	1	
	Ê tô	Chiếc	1	1	
	Thước lá	Chiếc	1	1	
	Thước cặp	Chiếc	1	1	
	Panme	Chiếc	1	1	
27	Bộ dụng cụ dùng cho lắp đặt đường dây, cáp	Bộ	1	1	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Tời kéo dây	Bộ	1	1	
	Chân tổ dựng cột	Bộ	1	1	
	Thang nhôm	Chiếc	1	1	
	Kéo cắt sắt	Chiếc	1	1	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
28	Bộ đồ nghề thi công ống nhựa	Bộ	6	6	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Kéo cắt ống nhựa	Chiếc	1	1	
	Máy sấy (máy khô ống)	Chiếc	1	1	
	Dao cắt ống	Chiếc	1	1	
	Lò xo uốn ống	Bộ	1	1	
	Dây mối (dây dẫn hướng)	Chiếc	1	1	
29	Bộ dụng cụ nghề xây dựng		6	6	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Cuốc	Chiếc	1	1	
	Xẻng	Chiếc	1	1	
	Xà beng	Chiếc	1	1	
	Xô	Chiếc	1	1	
30	Trang bị bảo hộ lao động ngành điện	Bộ	1	4	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Dây đai an toàn	Chiếc	1	1	
	Sào cách điện	Chiếc	1	1	
	Thảm cách điện	Chiếc	1	1	
	Ủng cách điện	Đôi	1	1	
	Găng tay cách điện	Đôi	1	1	
	Guốc treo cột	Đôi	1	1	
	Mũ bảo hộ	Chiếc	1	1	
	Quần áo bảo hộ	Bộ	1	1	
VI	THỰC HÀNH CƠ KHÍ				Khoa Cơ Khí – Thiết bị dùng chung
1	Máy vi tính	Bộ	1	1	
2	Máy chiếu	Bộ	1	1	
3	Máy in	Bộ	1	1	
4	Máy mài hai đá	Chiếc	2	2	
5	Giá hàn đa năng	Chiếc	3	10	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
6	Cabin hàn	Bộ	3	10	
7	Hệ thống hút khói hàn	Bộ	1	1	
8	Bàn nguội	Chiếc	9	20	
9	Ê tô song hành	Chiếc	18	20	
10	Máy khoan bàn	Chiếc	2	2	
11	Bàn mấp	Chiếc	2	2	
12	Máy hàn hồ quang	Chiếc	3	10	
13	Tủ sấy que hàn	Chiếc	1	1	
14	Thiết bị uốn cong	Chiếc	3	3	
15	Tủ sấy	Chiếc	2	2	
16	Máy hút bụi	Bộ	1	1	
17	Dụng cụ cơ khí cầm tay	Bộ	3	3	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Búa nguội	Chiếc	1	1	
	Búa cao su	Chiếc	1	1	
	Cưa sắt	Chiếc	1	1	
	Bộ tuyp	Bộ	1	1	
	Bộ cò lê	Bộ	1	1	
	Bộ lục lăng	Bộ	1	1	
	Đục bằng	Chiếc	1	1	
	Đục nhọn	Chiếc	1	1	
	Bộ dũa	Bộ	1	1	
	Bàn ren, ta rô các loại	Bộ	1	1	
18	Bộ dụng cụ đo cơ khí	Bộ	18	18	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Thước lá	Chiếc	1	1	
	Thước cặp	Chiếc	1	1	
	Panme	Chiếc	1	1	
	Ke góc	Chiếc	1	1	
	Thước đo ren	Chiếc	1	1	
19	Bộ dụng cụ lấy dấu	Bộ	6	6	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Compa vạch dấu	Chiếc	1	1	
	Chấm dấu	Chiếc	1	1	
	Mũi vạch	Chiếc	3	3	
20	Kim kẹp phôi hàn	Chiếc	3	3	
21	Khối V	Chiếc	6	6	
22	Khối D	Chiếc	6	6	
23	Mặt nạ hàn	Chiếc	19	19	
VII	PHÒNG HỌC MÁY VI TÍNH				
1	Máy vi tính	Bộ	19	30	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
3	Phần mềm vẽ mạch	Bộ	1	1	
4	Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office	Bộ	1	1	
5	Bộ phần mềm phonng chữ tiếng Việt	Bộ	1	1	
6	Phần mềm diệt virus	Bộ	1	1	
7	Máy Scanner	Chiếc	1	1	
8	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	1	1	
9	Máy in	Chiếc	1	1	
VIII	PHÒNG HỌC NGOẠI NGỮ				
					Thiết bị dùng chung
1	Bàn điều khiển	Chiếc	1	1	
2	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	1		
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	1	1	
4	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	1	1	
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
6	Máy vi tính	Bộ	19	1	
7	Tai nghe	Bộ	19	40	
8	Máy scanner	Chiếc	1	1	
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	1	1	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
IX	PHÒNG KỸ THUẬT CƠ SỞ				Thiết bị dùng chung
1	Máy vi tính	Bộ	19	30	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
3	Bảng tương tác	Bộ	1	1	
4	Hệ thống mạng LAN	Bộ	1	1	
5	Tủ đựng tài liệu		2	2	
6	Máy in	Bộ	1	1	
7	Bộ mẫu mối ghép cơ khí	Bộ	1	1	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Mỗi ghép ren	Chiếc	1	1	
	Ghép then	Chiếc	1	1	
	Ghép then hoa	Chiếc	1	1	
	Ghép chốt	Chiếc	1	1	
	Ghép đinh tán	Chiếc	1	1	
	Ghép hàn	Chiếc	1	1	
	Các khối hình học cơ bản	Bộ	3	3	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Khối trụ	Chiếc	1	1	
	Khối nón	Chiếc	1	1	
	Khối lăng trụ	Chiếc	1	1	
9	Bảng vẽ kỹ thuật	Bộ	18	20	
10	Bộ dụng cụ vẽ kỹ thuật	Bộ	18		Mỗi sinh viên trang bị 1 bộ
11	Dụng cụ cứu thương	Bộ	1	1	Trang bị theo đơn vị
	Mỗi bộ bao gồm				
	Tủ cứu thương	Chiếc	1	1	
	Panh	Chiếc	1	1	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Kéo	Chiếc	1	1	
	Cáng cứu thương	Chiếc	1	1	
	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	1	2	Thiết bị trang bị an toàn
12	Mỗi bộ bao gồm				
	Bình xịt bột khí CO ₂	Bình	1	1	
	Bình chữa cháy dạng bột	Bình	1	1	
	Các bảng tiêu lệnh chữa cháy	Bộ	1	1	
	Trang bị bảo hộ lao động ngành điện	Bộ	3	3	
13	Mỗi bộ bao gồm				
	Ủng cao su	Đôi	1	1	
	Găng tay cao su	Đôi	1	1	
	Thảm cao su	Chiếc	1	1	
	Ghế cách điện	Chiếc	1	1	
	Sào cách điện	Chiếc	1	1	
	Dây bảo hiểm	Chiếc	1	1	
	Kính bảo hộ, khẩu trang, găng tay bảo hộ	Bộ	1	1	
	Quần áo bảo hộ	Bộ	1	1	
	Mũ bảo hộ	Chiếc	1	1	
	Phần mềm vẽ điện	Bộ	1	1	

3. Đội ngũ nhà giáo:

- Tổng số nhà giáo cơ hữu: 15 người.
- Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi: 20 học sinh, sinh viên/nhà giáo.
- Chất lượng nhà giáo cơ hữu

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, tín chỉ được phân công giảng dạy
1.	Nguyễn Thị Thu Hà	Thạc sỹ	Giảng dạy Tiếng Anh cho những người nói ngôn ngữ khác	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		Tiếng Anh 1 3(1,2,3), Tiếng Anh 2 2(1,1,3)
2.	Giang Phi Hùng	Đại học	GDQP-AN	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		Giáo dục quốc phòng và An ninh 3(2,1,5)
3.	Nguyễn Văn Đôn	Thạc sỹ	Khoa học máy tính	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	Bậc 3	Tin học 3(1,2,3)
4.	Lê Thái Hùng	Thạc sỹ	Khoa học giáo dục	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		Giáo dục thể chất 1(0,1,1)
5.	Lê Thị Hồng Vân	Tiến sỹ - Đại học	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, Pháp luật	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		Pháp luật 1(1,0,2)
6.	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Thạc sỹ	Kinh tế Chính trị	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Giáo dục chính trị 2(1,1,3)
7.	Tạ Minh Cường	Thạc sỹ	Kỹ thuật Điện	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	Bậc 3	Kỹ năng mềm 4(4,0,8), Thực hành Đo lường và cảm biến 2(0,2,1)
8.	Trần Nam Anh	Thạc sỹ	Kỹ thuật Điện	NVSP dành cho GV dạy CĐ, ĐH	Bậc 3	Thực tập tốt nghiệp 6(0,6,0), Trải nghiệm doanh nghiệp 10(0,10,0), Quản lý tòa

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, tín chỉ được phân công giảng dạy
						nhà (BMS: Building Managenent System) 2(2,0,4)
9.	Cao Văn Tuấn	Thạc sĩ	Kỹ thuật Điện	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	Bậc 3	Mạch điện 4(4,0,8), An toàn điện 2(2,0,4)
10.	Đỗ Huỳnh Thanh Phong	Thạc sĩ	Kỹ thuật Điện	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	Bậc 3	Kỹ thuật lắp đặt điện 2(2,0,4), Thực hành Cung cấp điện 2(0,2,1)
11.	Lê Thế Huân	Đại học	Điện khí hóa và cung cấp điện	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	Bậc 3	Khí cụ điện 2(2,0,4), Máy điện 4(4,0,8)
12.	Nguyễn Anh Tăng	Thạc sĩ	Thiết bị, mạng & Nhà máy điện	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	Bậc 3	Thực hành Điện cơ bản 2(0,2,1)
13.	Nguyễn Minh Đức Cường	Thạc sĩ	Kỹ thuật Điện	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	Bậc 3	Thực hành Trang bị điện 3(0,3,2), Cung cấp điện 3(3,0,6), Thực hành Vẽ điện 2(0,2,1)
14.	Nguyễn Thùy Linh	Thạc sĩ	Kỹ thuật Điện	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	Bậc 3	Trang bị điện 4(4,0,8), Thực hành Máy điện 3(0,3,2), Đồ án chuyên

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, tín chỉ được phân công giảng dạy
						ngành 1(0,1,0),
15.	Tăng Cẩm Huê	Đại học	Kỹ thuật điện và điện tử	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	Bậc 3	Thực hành Điện tử cơ bản 2(0,2,1), Điện tử cơ bản 4(4,0,8)

d) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

4. Chương trình đào tạo

a) Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo ngành, nghề ĐIỆN CÔNG NGHIỆP, trình độ trung cấp.

b) Quyết định ban hành chương trình đào tạo: 697/QĐ-LTT ngày 30/10/2023 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp. Hồ Chí Minh về ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp để áp dụng từ khóa 2023 tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp. Hồ Chí Minh.

c) Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên.

d) Thời gian đào tạo: 02 năm.

đ) Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học: Bằng tốt nghiệp Trung cấp ngành Điện công nghiệp

e) Nội dung chương trình

Mã Môn học	Tên Môn học	Thời gian đào tạo (giờ)				
		Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực tập / thí nghiệm / bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	15	255	94	148	13
CT.T3.02	Giáo dục Chính trị	2(1,1,3)	30	15	13	2
CT.T3.06	Pháp luật	1(1,0,2)	15	9	5	1
CB.T3.24	Giáo dục thể chất (*)	1(0,1,1)	30	4	24	2

Mã Môn học	Tên Môn học	Thời gian đào tạo (giờ)				
		Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực tập / thí nghiệm / bài tập/thảo luận	Kiểm tra
CB.T3.17	Giáo dục quốc phòng và An ninh (*)	3(2,1,5)	45	21	21	3
TT.T3.200	Tin học	3(1,2,3)	45	15	29	1
NN.T3.41	Tiếng anh 1	3(1,2,3)	60	20	30	2
NN.T3.42	Tiếng anh 2	2(1,1,3)	30	10	26	2
II	Các môn học chuyên môn ngành, nghề	50	1470	414	1031	25
II.1	Môn học cơ sở	20	390	199	180	11
DD.T3.61	Mạch điện	4(4,0,8)	60	58		2
DD.T3.62	Điện tử cơ bản	4(4,0,8)	60	58		2
DD.T3.03	Thực hành Đo lường và cảm biến	2(0,2,1)	60		60	
DD.T3.07	An toàn điện	2(2,0,4)	30	28		2
DD.T3.05	Thực hành Điện cơ bản	2(0,2,1)	60		60	
DD.T3.06	Thực hành Điện tử cơ bản	2(0,2,1)	60		60	
KT.T3.01	Kỹ năng mềm (*)	4(4,0,8)	60	55		5
II.2	Môn học chuyên môn ngành	26	990	187	791	12
DD.T3.63	Máy điện	4(4,0,8)	60	58		2
DD.T3.08	Khí cụ điện	2(2,0,4)	30	28		2
DD.T3.64	Trang bị điện	4(4,0,8)	60	58		2
DD.T3.65	Thực hành Trang bị điện	3(0,3,2)	90		90	
DD.T3.66	Cung cấp điện	3(3,0,6)	45	43		2

Mã Môn học	Tên Môn học	Thời gian đào tạo (giờ)				
		Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực tập / thí nghiệm / bài tập/thảo luận	Kiểm tra
DD.T3.67	Thực hành Máy điện	3(0,3,2)	90		90	
DD.T3.14	Đồ án chuyên ngành	1(0,1,0)	45		45	
DD.T3.15	Thực tập tốt nghiệp (**)	6(0,6,0)	270		270	
DD.T3.123	Trải nghiệm doanh nghiệp (**)	10(0,10,0)	300		296	4
II.3	Môn học tự chọn 4TC	4	90	28	60	2
DD.T3.17	Kỹ thuật lắp đặt điện	2(2,0,4)	30	28		2
DD.T3.27	Thực hành Cung cấp điện	2(0,2,1)	60		60	
DD.T3.32	Quản lý tòa nhà (BMS: Building Managenent System)	2(2,0,4)	30	28		2
DD.T3.16	Thực hành Vẽ điện	2(0,2,1)	60		60	
	Tổng cộng	65	1725	508	1179	38

5. Về giáo trình, tài liệu giảng dạy

Đối với trình độ Trung cấp: sử dụng giáo trình và tài liệu giảng dạy trình độ Trung cấp lưu hành nội bộ tại khoa Điện – Điện tử, theo đúng thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01 tháng 3 năm 2017.

TT	Tên giáo trình/tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Ghi chú
1.	Giáo dục Chính trị	Bộ LĐTBXH	NXB Lao động xã hội	2020	
2.	Pháp luật	Bộ LĐTBXH	NXB Lao động xã hội	2020	
3.	Giáo dục thể chất	Khoa KHCB	Trường CĐ Lý Tự Trọng TP. HCM	2019	

4.	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Bộ LĐTBXH	Bộ LĐTBXH	2020	
5.	Tin học	Bộ LĐTBXH	Bộ LĐTBXH	2020	
6.	Chương trình chung của Bộ LĐTBXH	Bộ LĐTBXH	Bộ LĐTBXH	2019	Sử dụng cho môn Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2
7.	TOEIC STARTER	Anne Taylor & Casey Malarcher	First News	2018	
8.	Kỹ năng mềm – Kỹ năng làm công việc chuyên nghiệp trong doanh nghiệp và tổ chức	Công ty cổ phần Giáo dục và Đào tạo GBI Quốc tế	Công ty cổ phần Giáo dục và Đào tạo GBI Quốc tế	2020	
9.	Mạch điện	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	
10.	Điện tử cơ bản	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	
11.	Thực hành Đo lường và cảm biến	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	
12.	An toàn điện	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	
13.	Thực hành Điện cơ bản	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	
14.	Thực hành Điện tử cơ bản	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	
15.	Máy điện	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	
16.	Khí cụ điện	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	
17.	Trang bị điện	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	
18.	Thực hành Trang bị điện	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	
19.	Cung cấp điện	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	

20.	Thực hành Máy điện	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	
21.	Kỹ thuật lắp đặt điện	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	
22.	Thực hành Cung cấp điện	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	
23.	Quản lý tòa nhà (BMS: Building Managenent System)	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	
24.	Thực hành Vẽ điện	Khoa Điện-Điện tử	Trường CĐ Lý Tự Trọng Tp. HCM	2022	

II. Ngành LOGISTICS; trình độ trung cấp; quy mô tuyển sinh: 30 học sinh/năm.

1. Lý do đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Liên kết phối hợp thực hiện chương trình đào tạo.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy:

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 10 phòng (tổng diện tích: 684 m²);
- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập: 6 phòng, xưởng (tổng diện tích: 426m²).

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy thực hành:

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo (Theo Thông tư số 16 /2021/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
I	PHÒNG HỌC LÝ THUYẾT				
1	Máy vi tính	Bộ	1	1	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
3	Bảng di động	Chiếc	1	1	
4	Máy in	Bộ	1	1	
5	Bảo hộ lao động	Bộ	1	1	
6	Dụng cụ cứu thương	Bộ	1	1	
7	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	1	1	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo (Theo Thông tư số 16 /2021/TT- BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
II	PHÒNG HỌC NGOẠI NGỮ			PHÒNG LAB	Thiết bị dùng chung
1	Máy vi tính	Bộ	19	40	Bộ nhận tín hiệu học viên
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
3	Máy in	Bộ	1	1	
4	Bàn điều khiển	Chiếc	1	1	
5	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	1		
6	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	1	1	
7	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	1	1	
8	Tai nghe	Bộ	19	40	
9	Máy scanner	Chiếc	1		
10	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	1	1	
11	Phần mềm dạy học ngoại ngữ	Bộ	1	1	
III	PHÒNG HỌC MÁY TÍNH				Thiết bị dùng chung
1	Máy vi tính	Bộ	19	30	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
3	Máy in	Bộ	1	1	
4	Máy scanner	Chiếc	1	1	
5	Bảng di động	Chiếc	1	1	
6	Tủ đựng tài liệu	Bộ	1	1	
7	Server + hệ thống mạng Lan, WAN, WIFI	Bộ	1	1	
8	Phần mềm diệt virus	Bộ	1	1	
9	Thiết bị lưu trữ	Chiếc	1	1	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo (Theo Thông tư số 16 /2021/TT- BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
IV	PHÒNG THỰC HÀNH HÀNH CHÍNH LOGISTICS				1 phòng
1	Máy vi tính	Bộ	7	10	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
3	Máy hủy giấy	Bộ	1	1	
4	Máy in	Bộ	1	1	
5	Máy chấm công	Bộ	1	1	
6	Máy photocopy	Bộ	1	1	
7	Máy scanner	Chiếc	1	1	
8	Máy tính cầm tay	Chiếc	6	6	
9	Bảng di động	Chiếc	1	1	
10	Bộ đàm	Bộ	2	2	
11	Điện thoại bàn	Bộ	2	2	
12	Hệ thống camera giám sát	Hệ thống	1	1	
13	Tủ đựng tài liệu	Bộ	1	1	
14	Phần mềm Logistics tích hợp mô phỏng	Bộ	1	1	
15	Phần mềm quản lý thông tin khách hàng	Bộ	1	1	
16	Phần mềm khai báo hải quan mô phỏng	Bộ	1	1	
17	Server + hệ thống mạng Lan, WAN, WIFI	Bộ	1	1	
18	Biểu mẫu chứng từ giao nhận	Bộ	1	1	
19	Hồ sơ mẫu	Bộ	1	1	
V	PHÒNG THỰC HÀNH ĐIỀU PHỐI LOGISTICS				1 phòng
1	Máy vi tính	Bộ	7	7	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo (Theo Thông tư số 16 /2021/TT- BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
3	Máy in	Bộ	1	1	
4	Máy scanner	Chiếc	1	1	
5	Bảng di động	Chiếc	1	1	
6	Bộ đàm	Bộ	2	2	
7	Điện thoại bàn	Bộ	2	2	
8	Hệ thống camera giám sát	Hệ thống	1	1	
9	Thiết bị kiểm kho	Bộ	1	1	
10	Tủ đựng tài liệu	Bộ	1	1	
11	Phần mềm chất xếp hàng hóa cho xe tải và container mô phỏng	Bộ	1	1	
12	Phần mềm Logistics tích hợp mô phỏng	Bộ	1	1	
13	Phần mềm quản lý thông tin khách hàng	Bộ	1	1	
14	Server + hệ thống mạng Lan, WAN, WIFI	Bộ	1	1	
VI	PHÒNG THỰC HÀNH XẾP DỖ				khóa
1	Máy vi tính	Bộ	1	1	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
3	Máy in	Bộ	1	1	
4	Cần trục tự hành	Chiếc	1	1	
5	Xe nâng	Chiếc	2	2	
6	Xe nâng tay	Chiếc	2	2	
7	Xe tải	Chiếc	1	1	
8	Container	Chiếc	1	1	
9	Bộ ngáng cầu	Bộ	1	1	
10	Kệ để hàng	Chiếc	3	3	
11	Pallet	Chiếc	8	8	
12	Kiện hàng	Chiếc	8	8	
13	Lưới cầu hàng	Chiếc	1	1	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo (Theo Thông tư số 16 /2021/TT- BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
14	Cáp dù (Dây Sling)	Chiếc	4	4	
15	Cáp thép	Chiếc	2	2	
16	Dây móc xích	Chiếc	4	4	
17	Maní	Chiếc	4	4	
18	Rùa tải con lăn	Chiếc	4	4	
19	Đệm chống va	Chiếc	4	4	
20	Xà beng	Chiếc	3	3	
21	Biển báo	Bộ	1	1	
22	Cọc tiêu	Chiếc	10	10	
23	Đèn cảnh báo	Chiếc	10	10	
24	Bộ đàm	Bộ	2	2	
25	Hệ thống báo động	Hệ thống	1	1	
26	Hệ thống Camera giám sát	Hệ thống	1	1	
27	Đèn pin	Chiếc	3	3	
28	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	1	1	
29	Bảng di động	Chiếc	1	1	
30	Dụng cụ bảo dưỡng, sửa chữa	Bộ	1	1	
31	Bơm mỡ bằng tay	Chiếc	1	1	
32	Bảng kế hoạch bảo dưỡng	Bảng	1	1	
VII	PHÒNG THỰC HÀNH QUẢN LÝ KHO				khoa
1	Máy vi tính	Bộ	4	4	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
3	Máy in	Bộ	1	1	
4	Xe nâng	Chiếc	2	2	
5	Xe nâng tay	Chiếc	2	2	
6	Xe tải	Chiếc	1	1	
7	Cầu trục hai dầm	Chiếc	1	1	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo (Theo Thông tư số 16/2021/TT- BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
8	Hệ thống kệ kho hàng bằng thép	Hệ thống	3	3	
9	Kệ để hàng	Chiếc	3	3	
10	Kiện hàng	Chiếc	8	8	
11	Pallet	Chiếc	8	8	
12	Máy ảnh	Chiếc	1	1	
13	Điện thoại bàn	Bộ	2	2	
14	Máy cuốn màng co	Chiếc	1	1	
15	Máy đóng bao cầm tay	Bộ	3	3	
16	Máy đóng đai	Chiếc	3	3	
17	Máy đóng gói	Chiếc	1	1	
18	Máy hút bụi công nghiệp	Bộ	1	1	
19	Máy in mã hàng hóa	Chiếc	3	3	
20	Máy tính cầm tay	Chiếc	3	3	
21	Thiết bị kiểm kho	Bộ	3	3	
22	Rùa tải con lăn	Chiếc	4	4	
23	Cáp dù (Dây Sling)	Chiếc	4	4	
24	Cáp thép	Chiếc	2	2	
25	Dây móc xích	Chiếc	4	4	
26	Đệm chống va	Chiếc	4	4	
27	Maní	Chiếc	4	4	
28	Cọc tiêu	Chiếc	10	10	
29	Biển báo	Bộ	1	1	
30	Bộ đàm	Bộ	2	2	
31	Cổng từ an ninh	Hệ thống	1	1	
32	Đèn cảnh báo	Chiếc	10	10	
33	Đèn pin	Chiếc	3	3	
34	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	1	1	
35	Hệ thống báo động	Hệ thống	1	1	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo (Theo Thông tư số 16 /2021/TT- BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
36	Hệ thống Camera giám sát	Hệ thống	1	1	
37	Ký hiệu mã hàng hóa	Bộ	1	1	
38	Mẫu chứng từ hàng hóa đi kèm	Bộ	1	1	
39	Phần mềm Logistics tích hợp mô phỏng	Bộ	1	1	
40	Phần mềm quản lý kho hàng	Bộ	1	1	
41	Quạt công nghiệp	Chiếc	1	1	
42	Xà beng	Chiếc	3	3	
43	Server + hệ thống mạng Lan, WAN, WIFI	Bộ	1	1	
44	Tủ đựng tài liệu	Bộ	1	1	
45	Bảng di động	Chiếc	1	1	
46	Bảng sơ đồ kho vị trí xếp dỡ	Bảng	1	1	
47	Biểu mẫu	Bộ	1	1	

3. Đội ngũ nhà giáo:

a) Tổng số nhà giáo cơ hữu: 15 người.

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi: 25 học sinh, sinh viên/nhà giáo.

c) Chất lượng nhà giáo cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Trình độ nghề vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, tín chỉ được phân công giảng dạy	
1.	Trần Thanh Trúc	Thạc sỹ	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		Tiếng Anh 1	3(1,2,3),
						Tiếng Anh 2	2 (1,1,3)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, tín chỉ được phân công giảng dạy	
2.	Giang Phi Hùng	Đại học	GDQP-AN	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		Giáo dục quốc phòng và An ninh	3(2,1,5)
3.	Vũ Thị Thái Linh	Thạc sỹ	Khoa học máy tính	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	Bậc 3	Tin học	3 (1,2,3)
4.	Nguyễn Phú Tân	Thạc sỹ	Khoa học giáo dục	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		Giáo dục thể chất	1(0,1,1)
5.	Nguyễn Mỹ Tiên	Thạc sỹ	Luật Kinh tế	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		Pháp luật	1(1,0,2)
6.	Đỗ Thị Thơm	Thạc sỹ	Triết học	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Giáo dục chính trị	2(1,1,3)
7.	Nguyễn Thành Nam	Tiến sỹ	Đại số và lý thuyết số	NVSP cho GV		Kỹ năng mềm	4(4,0,8)
8.	Trịnh Hoàng Hiệp	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Quản trị kho hàng	3(2,1,5)
						Logistics cơ bản	4(4,0,8)
						Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	3(2,1,5)
9.	Phạm Quỳnh Như	Thạc sỹ	Tài chính - Ngân hàng	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Bao bì – Đóng gói hàng hoá	3(2,1,5)
						Nghiệp vụ hải quan	3(2,1,5)
10.	Huỳnh Kim Liên	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	NVSP dành cho GV		Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế	5(3,2,7)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, tín chỉ được phân công giảng dạy	
						Kỹ năng làm việc với máy móc thiết bị	2(1,1,3)
11.	Nguyễn Huỳnh Lưu Phương	Thạc sỹ	Tổ chức và quản lý vận tải anh	SPDN dạy trình độ TCN, CDN		Điều hành vận tải	3(2,1,5)
						Dịch vụ kho hàng và trung tâm phân phối	4(3,1,7)
12.	Trần Thị Ngọc Dung	Thạc sỹ	Luật Kinh tế	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Vận tải đa phương thức	5(3,2,7)
						Đồ án - Quản lý Logistics và chuỗi cung ứng	1(0,1,1)
13.	Cao Xuân Giang	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Thực tập tốt nghiệp (**)	6(0,6,0)
						Trải nghiệm doanh nghiệp (**)	6(0,6,0)
14.	Nguyễn Thị Minh Thùy	Thạc sỹ	Kế toán	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Thanh toán quốc tế	2(1,1,3)
						Công nghệ thông tin trong Logistics	2(1,1,3)
15.	Lê Hồng Ngọc My	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Marketing dịch vụ Logistics	2(1,1,3)
						Quản trị xuất nhập khẩu	2(1,1,3)

d) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

4. Chương trình đào tạo

a) Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo ngành, nghề LOGISTICS, trình độ trung cấp.

b) Quyết định ban hành chương trình đào tạo: 697/QĐ-LTT ngày 30/10/2023 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp. Hồ Chí Minh về ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp để áp dụng từ khóa 2023 tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp. Hồ Chí Minh.

c) Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên

d) Thời gian đào tạo: 02 năm.

đ) Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học: Bằng tốt nghiệp Trung cấp ngành Logistics

e) Nội dung chương trình

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/ đại cương	15	255	94	148	13
CT.T4.02	Giáo dục Chính trị	2(1,1,3)	30	15	13	2
CT.T4.06	Pháp luật	1(1,0,2)	15	9	5	1
CB.T4.24	Giáo dục thể chất (*)	1(0,1,1)	30	4	24	2
CB.T4.17	Giáo dục Quốc phòng và An ninh (*)	3(2,1,5)	45	21	21	3
TT.T4.200	Tin học	3(1,2,3)	45	15	29	1
NN.T4.41	Tiếng Anh 1	3(1,2,3)	60	20	30	2
NN.T4.42	Tiếng Anh 2	2(1,1,3)	30	10	26	2
II	Các môn học chuyên môn ngành, nghề	50	1335	421	881	33
II.1	Môn học cơ sở	20	360	225	120	15
KT.T4.01	Kỹ năng mềm (*)	4(4,0,8)	60	55		5
KT.T4.66	Quản trị kho hàng	3(2,1,5)	60	28	30	2
KT.T4.50	Logistics cơ bản	4(4,0,8)	60	58		2
KT.T4.52	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	3(2,1,5)	60	28	30	2
KT.T4.56	Bao bì – Đóng gói hàng hoá	3(2,1,5)	60	28	30	2
KT.T4.60	Nghiệp vụ hải quan	3(2,1,5)	60	28	30	2
II.2	Môn học chuyên môn ngành, nghề	26	885	170	701	14
KT.T4.41	Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế	5(3,2,7)	105	43	60	2
KT.T4.47	Kỹ năng làm việc với máy móc thiết bị	2(1,1,3)	45	13	30	2
KT.T4.53	Điều hành vận tải	3(2,1,5)	60	28	30	2
KT.T4.55	Dịch vụ kho hàng và trung tâm phân phối	4(3,1,7)	75	43	30	2

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
KT.T4.59	Vận tải đa phương thức	5(3,2,7)	105	43	60	2
KT.T4.70	Đồ án - Quản lý Logistics và chuỗi cung ứng	1(0,1,1)	45		45	
KT.T4.75	Thực tập tốt nghiệp (**)	6(0,6,0)	270		270	
KT.T4.372	Trải nghiệm doanh nghiệp (**)	6(0,6,0)	180		176	4
II.3	Môn học tự chọn	4	90	26	60	4
KT.T4.40	Thanh toán quốc tế	2(1,1,3)	45	13	30	2
KT.T4.61	Công nghệ thông tin trong Logistics	2(1,1,3)	45	13	30	2
KT.T4.48	Marketing dịch vụ Logistics	2(1,1,3)	45	13	30	2
KT.T4.67	Quản trị xuất nhập khẩu	2(1,1,3)	45	13	30	2
Tổng cộng		65	1590	515	1029	46

5. Về giáo trình, tài liệu giảng dạy

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Ghi chú
1	Giáo dục Chính trị	Bộ LĐTBXH	NXB Lao động xã hội	2020	
2	Pháp luật	Bộ LĐTBXH	NXB Lao động xã hội	2020	
3	Giáo dục thể chất	Khoa KHCB	Trường CĐ Lý Tự Trọng TP. HCM	2019	
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Bộ LĐTBXH	Bộ LĐTBXH	2020	
5	Tin học	Bộ LĐTBXH	Bộ LĐTBXH	2020	
6	Chương trình chung của Bộ LĐTBXH	Bộ LĐTBXH	Bộ LĐTBXH	2019	Sử dụng cho môn Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2
7	TOEIC STARTER	Anne Taylor & Casey Malarcher	First News	2018	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Ghi chú
8	Kỹ năng mềm – Kỹ năng làm công việc chuyên nghiệp trong doanh nghiệp và tổ chức	Công ty cổ phần Giáo dục và Đào tạo GBI Quốc tế	Công ty cổ phần Giáo dục và Đào tạo GBI Quốc tế	2020	
9	Kinh tế vận tải và Logistics	TS. Phạm Thị Nga	Nhà xuất bản Giao thông Vận tải	2016	
10	Logistics những vấn đề cơ bản	GS.TS Đoàn Thị Hồng Vân và Kim Ngọc Đạt	Nhà xuất bản Lao động-Xã hội	2010	
11	Giáo trình Quản trị hậu cần	PGS.TS. Lê Công Hoa PGS.TS Nguyễn Thành Hiếu	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân	2022	
12	Quản trị chuỗi cung ứng	TS. Đinh Bá Hùng	Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM	2017	
13	Giáo trình Giao nhận hàng hóa và khai báo hải quan	Lê Phúc Hòa, Bùi Văn Hùng	Trường Đại học Giao thông vận tải	2020	
14	Nghệp vụ giao nhận, vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	Phạm Mạnh Hiền	Nghệp vụ giao nhận, vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	2012	
15	Quản trị kênh phân phối	Trương Đình Chiến	Nhà xuất đại học Kinh Tế Quốc Dân	2008	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Ghi chú
16	Logistics Service	Viện Nghiên cứu và Phát triển Logistics Việt Nam	Viện Nghiên cứu và Phát triển Logistics Việt Nam	2016	
17	Kỹ Thuật Nghiệp Vụ Ngoại Thương	Trường ĐH Ngoại Thương Hà Nội	NXB Giáo dục	2016	

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TB&XH tỉnh Trà Vinh;
- BGH;
- Lưu: VT, ĐT.


HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

